

Vì sao QUỸ TÍN DỤNG VIỆT NAM vẫn an toàn phát triển?

VĂN TẠO

Khủng hoảng tài chính Mỹ nổ ra ngày 15/9/2008, khi ngân hàng Lehman Brothers sụp đổ, đánh dấu vụ phá sản lớn nhất tại Mỹ; Merrill Lynch bị Bank of America Corp thâu tóm; American International Group - tập đoàn bảo hiểm lớn nhất thế giới mất khả năng thanh toán do những khoản thua lỗ liên quan tới nợ cầm cố. Đây là ngày tồi tệ nhất tại Phố Wall kể từ khi thị trường này mở cửa trở lại sau vụ khủng bố 2 toà tháp đôi tại Mỹ vào tháng 9 năm 2001. Không chỉ các ngân hàng Mỹ mà còn nhiều định chế tài chính các nước như Anh, Đức, Pháp, Nhật v.v... cũng bị quốc hữu hóa hoặc phá sản. Chính phủ các nước đã phải bỏ ra hàng ngàn tỷ đô la để mua lại hoặc sáp nhập. Theo Reuters, từ đầu năm 2009 tới tháng 9/2009 các nhà chức trách Mỹ đã làm thủ tục giải thể 89 ngân hàng ở nước này và 25 ngân hàng bị sáp nhập trong năm 2008, trong đó ngân hàng có quy mô lớn nhất là Vantus Bank với tổng tài sản 458 triệu USD và quản lý 368 triệu USD tài sản của khách hàng. Ở thời điểm cuối quý 2, Cơ quan bảo hiểm tiền gửi Liên bang Mỹ (FDIC) đã liệt 416 ngân hàng vào danh sách những nhà băng có nguy cơ đổ vỡ.

Đối với hệ thống tài chính Việt Nam tuy khủng hoảng tài chính không tác động trực tiếp nhưng năm 2008 cũng bị lao đao vì chống lạm phát tăng cao. Để thắt chặt chính sách tiền tệ, NHNN đã 3 lần tăng lãi suất cơ bản từ 8,75% lên 14%/năm, kéo theo lãi suất tín dụng tăng đến 21%/năm, nhiều ngân hàng nhỏ đứng trước nguy cơ rủi ro thanh khoản do thiếu vốn, một số NH phải huy động với lãi suất cao lên đến 19,3%/năm, vay vốn trên thị trường liên ngân hàng lên đến hơn 40% hoặc vay NHNN để đảm bảo khả năng chi trả. Được sự chỉ đạo kịp thời của Chính phủ và trực tiếp là NHNN, hệ thống tài chính nội chung và hệ thống ngân hàng nước ta vẫn hoạt động an toàn, không có ngân hàng nào bị phá sản, sáp nhập như dự báo của một số tổ chức nước ngoài. Hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân (QTĐND) một tổ chức tín dụng thuộc loại quy mô nhỏ với tổng nguồn vốn toàn hệ thống là hơn 1.208 triệu USD, bình quân mỗi quỹ chỉ có 1,1 triệu USD nhưng vẫn đứng vững và phát triển trong cơn bão tài chính toàn cầu năm 2008.

Theo NHNN đến cuối năm 2008 cả nước có 1.015 QTĐND cơ sở hoạt động trên địa bàn 56 tỉnh, thành phố tăng 29 quỹ so với năm 2007. Số thành viên gia nhập đạt 1.349.804 người tăng 140.762 thành viên và 10,42%;

tổng số nguồn vốn đạt 16.674 tỷ đồng, tăng 3.042 tỷ đồng và 18,24%, trong đó vốn điều lệ đạt 779 tỷ tăng 161 tỷ đồng và 20,66%, vốn huy động đạt 12.329 tỷ tăng 2.995 tỷ đồng và 24,29%, dư nợ cho vay đạt 14.142 tỷ tăng 2.426 tỷ đồng và 17,15%, nợ xấu là 75 tỷ bằng 0,53% tổng dư nợ, lợi nhuận trước thuế đạt 183 tỷ tăng 20 tỷ so với năm 2007.

Năm 2008 xếp loại 1 có 555 Quỹ chiếm tỷ lệ 55,06%; loại 2 có 290 Quỹ, chiếm tỷ lệ 28,77%; loại 3 có 134 Quỹ chiếm tỷ lệ 13,29%; loại 4 có 21 Quỹ, chiếm tỷ lệ 2,08%; loại 5 có 8 Quỹ, chiếm tỷ lệ 0,79%... Chỉ tiêu về khả năng chi trả có 910 Quỹ xếp loại 1 chiếm 90,28%, loại 4 và 5 có 37 Quỹ chiếm 3,67%. Về chất lượng hoạt động có 10 quỹ tồn tại yếu kém đang được NHNN tiếp tục chấn chỉnh, củng cố.

Bước sang năm 2009, QTĐND không nằm trong đối tượng được cho vay hỗ trợ lãi suất, nên lãi suất cho vay cao hơn các ngân hàng thương mại lãi suất huy động trên thị trường tiếp tục gia tăng, sự cạnh tranh trở nên quyết liệt hơn, gây khó khăn cho hoạt động của hệ thống QTĐND nhưng nhờ phát huy lợi thế "sân nhà" và là tổ chức của chính các thành viên nên 6 tháng đầu năm 2009 vẫn đạt được thành tích đáng khích lệ: Số lượng QTĐND

☞ là 1.026, tăng 11 Quý; tổng nguồn vốn đạt 20.542 tỷ, tăng 3.868 tỷ, trong đó vốn điều lệ đạt 887 tỷ tăng 108 tỷ; vốn huy động đạt 15.500 tỷ; tăng 3.171 tỷ; dư nợ cho vay đạt 17.421 tỷ, tăng 3.279 tỷ.

Thông qua các chỉ tiêu về số lượng quỹ, nguồn vốn, dư nợ cho vay, lợi nhuận và xếp loại hoạt động của hệ thống QTDND năm 2008 và 6 tháng đầu năm 2009 cho thấy trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu diễn ra khốc liệt và những khó khăn của nền kinh tế khi phải thực hiện các chính sách kiềm chế lạm phát và chống suy giảm kinh tế của Chính phủ, hoạt động của hệ thống ngân hàng nói chung và QTDND nói riêng vẫn an toàn và phát triển. Vậy những nguyên nhân nào để QTDND đạt được kết quả trên?

Thứ nhất: hầu hết QTDND không chạy theo lợi nhuận đơn thuần và không chịu áp lực tối đa hóa lợi nhuận như các Ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) nên ít gặp rủi ro.

Thứ hai: nguyên tắc tổ chức và hoạt động là sự gắn kết về quyền lợi và trách nhiệm giữa tổ chức

và thành viên, đó là tự nguyện, bình đẳng, dân chủ trong quản trị, tự chủ cùng có lợi và cùng chịu trách nhiệm.

Thứ ba: Nguồn cung cấp thông tin được minh bạch và kịp thời; đối với hoạt động của QTDND việc nắm bắt thông tin của thành viên vay vốn từ quyết định đầu tư tin dụng hoặc nguồn thu nợ là không quá khó khăn, nên việc đầu tư tin dụng khá an toàn.

Thứ tư: có mối liên kết chặt chẽ về vốn và tổ chức giữa các đơn vị trong cùng hệ thống;

Mặc dù là một tổ chức tin dụng nhỏ với số vốn ít nhưng nhu cầu vay vốn của các thành viên là khá nhiều, trong khi đó các QTDND không phải là đối tượng được tham gia thị trường tiền tệ với NHNN như vay tái cấp vốn, thị trường mở, thị trường liên ngân hàng nhưng nhờ có mô hình tổ chức liên kết chặt chẽ trong toàn hệ thống bởi:

- Có sự liên kết về vốn giữa QTDND với Quỹ tín dụng Trung ương (QTDТУ), đây là một tổ chức trung gian tài chính với chức năng tiếp nhận các nguồn vốn của Chính phủ, các tổ chức

tài chính quốc tế cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, huy động vốn và điều hòa trong hệ thống cung ứng vốn cho các QTDND để mở rộng cho vay các thành viên phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc đảm bảo khả năng chi trả, vì vậy trong năm 2008 số vốn QTDND vay của QTDТУ chiếm 94,6% tổng số nguồn vốn đi vay.

- Có sự liên kết về tổ chức trong hệ thống; hiệp hội QTDND thường xuyên cung cấp các văn bản pháp luật về hoạt động ngân hàng, tư vấn, đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin, kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý ngân hàng trong môi trường kinh doanh đầy biến động; tạo điều kiện để các hội viên trong Hiệp hội trao đổi kinh nghiệm hoạt động kinh doanh, cũng có tình đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong hệ thống.

Thứ năm: NHNN mở rộng mức lãi suất cho vay tối đa theo lãi suất cơ bản tạo điều kiện cho hệ thống QTDND mở rộng cho vay thành viên và dù chi phí vốn tiềm ẩn nhiều rủi ro trong lĩnh vực tin dụng nông nghiệp, nông thôn ■

LÃI SUẤT TĂNG MẠNH...

(Tiếp theo trang 12)

CPI chỉ tăng 3,47% và dự kiến cả năm 2009, CPI chỉ tăng khoảng 6 - 6,5%. Vì vậy, NHNN sẽ khó có lý do để điều chỉnh tăng lãi suất cơ bản.

Trả lời báo chí về quan điểm điều hành chính sách tiền tệ trong thời gian tới, Thống đốc NHNN Nguyễn Văn Giàu cho biết, mục tiêu của chính sách tiền tệ là bên cạnh hỗ trợ tăng trưởng

kinh tế, còn phải kiểm soát lạm phát ở mức hợp lý để ổn định kinh tế vĩ mô. Theo Thống đốc NHNN, kinh tế vĩ mô ổn định chính là tiền đề cho tăng trưởng bền vững. Năm 2009 và 2010 đã tăng trưởng kinh tế được duy trì, nhưng có sức ép tăng lạm phát, do đó việc hoạch định và điều chỉnh chính sách tiền tệ sẽ phải linh hoạt và áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp tổng thể.

NHNN tiếp tục áp dụng mô hình kiểm soát khối lượng tiền là chủ yếu (quy mô và tốc độ

tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán và tin dụng), kết hợp với kiểm soát lãi suất và tỷ giá. Chính sách tiền tệ được điều hành một cách chủ động, linh hoạt và thận trọng trên cơ sở dự báo tốt về diễn biến kinh tế vĩ mô, diễn biến tiền tệ, tin dụng, nhằm kiểm soát tốc độ tăng trưởng tin dụng và tổng phương tiện thanh toán khoảng 30% và giảm dần trong những năm tiếp theo, đồng thời kiểm soát chặt chẽ chất lượng tin dụng, lãi suất và tỷ giá ở mức hợp lý ■